

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16 / 01/2024
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thúy Hằng và ông Lê Văn Trường

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Công Tân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Nhi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 248/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1992

Trú tại: thôn S, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Trần Văn N sinh năm 1992

NĐKNKTT: Thôn L, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi với anh Trần Văn N tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên và được Ủy ban nhân dân xã H cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 21/9/2012. Quá trình sống chung, chúng tôi xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã và tôi thường xuyên bị anh N đánh do anh N không lo làm ăn mà thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi, banh bóng, số đề, xóc đĩa, phát

tán tài sản gia đình, nhiều bị Tòa án lần xử phạt về tội đánh bạc và hiện nay anh N đang chấp hành án về tội đánh bạc. Tôi tha thiết đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn với anh Trần Văn N vì tôi thật sự không chịu đựng nổi, không thể sống chung được nữa.

Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có một con chung là cháu Trần Lê Gia P, sinh ngày 12/4/2013. Khi ly hôn, tôi sẽ là người trực tiếp nuôi cháu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Tôi tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Tại biên bản làm việc với anh Trần Văn N tại Trại giam Đ, tỉnh Đắk Lắk, anh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Trần Văn N) kết hôn với chị Lê Thị T vào ngày 21/9/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P. Nay chị Lê Thị T xin ly hôn với tôi thì tôi không đồng ý vì lý do còn thương vợ, con với lại thời gian chấp hành án gần hết nên mong muốn tiếp tục chung sống để lo cho vợ, con.

Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có một con chung là cháu Trần Lê Gia P, sinh ngày 12/4/2013. Trong trường hợp giải quyết ly hôn, tôi đồng ý giao con chung cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Trần Văn N; trực tiếp nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nợ chung và tài sản chung.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát cùng cấp và người tham gia tố tụng đúng theo quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định về quyền, nghĩa vụ và nội quy phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, có văn bản ghi ý kiến của bị đơn nhưng hiện nay đang chấp hành án đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị T; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung nguyên đơn chị Lê Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh **Trần Văn N** đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, đã được Tòa án ghi ý kiến trình bày nhưng hiện nay anh **Trần Văn N** đang chấp hành án. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị **Lê Thị T**: Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày vợ chồng chị chung sống hơn mười một năm nhưng thường xuyên bị đánh đập, anh **N** không quan tâm đến gia đình, phát tán tài sản gia đình, thường xuyên đánh bạc, bị nhiều Tòa án phạt tù về tội đánh bạc và hiện nay đang chấp hành án cũng về tội đánh bạc. Tại biên bản ghi lời khai, anh **Trần Văn N** không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, con.

Xét, trình bày của nguyên đơn là phù hợp với thực tế và tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ về việc bị đơn anh **Trần Văn N** vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung giữa chị **Lê Thị T** với anh **Trần Văn N** không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Lê Thị T**.

[3] Xét yêu cầu về trực tiếp nuôi con chung: Nguyên đơn chị **Lê Thị T** yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi cháu **Trần Lê Gia P**, sinh ngày 12/4/2013 thì thấy cháu **P** hiện do chị **Lê Thị T** trực tiếp nuôi, chăm sóc và hiện nay anh **N** đang chấp hành án. Do đó để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu **P** nên có căn cứ giao cháu **Trần Lê Gia P**, sinh ngày 12/4/2013 cho chị **Lê Thị T** trực tiếp nuôi và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của anh **Trần Văn N**.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị **Lê Thị T** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Lê Thị T**. Chị **Lê Thị T** được ly hôn với anh **Trần Văn N**.

2. Về con chung: Giao cháu **Trần Lê Gia P**, sinh ngày 12/4/2013 cho chị **Lê Thị T** trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị **Lê Thị T** chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp đủ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010216 ngày 03/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Hòa nên không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên(01);
- VKSND H. Phú Hòa (02);
- CC THADS H. Phú Hòa (01);
- Các đương sự (02);
- UBND xã Hòa Trị (01);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tâm